

Số: 881 /SGDĐT-KTKĐCLGD
V/v hướng dẫn thực hiện công tác
tuyển sinh năm học 2022-2023

Thừa Thiên Huế, ngày 20 tháng 4 năm 2022

Kính gửi:

- Các phòng giáo dục và đào tạo;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Các trung tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên;
- Trường THPT Thuận Hóa-ĐHSP Huế; Trường THPT Chi Lăng;
- Học viện Âm nhạc Huế; Trường Trung cấp Phật học Thừa Thiên Huế.

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở (THCS) và tuyển sinh trung học phổ thông (THPT) được hợp nhất tại Văn bản số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019; Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT chuyên được hợp nhất tại Văn bản số 20/VBHN-BGDĐT ngày 30/5/2014; Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú (DTNT) ban hành theo Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 và các văn bản hướng dẫn hiện hành của của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT);

Căn cứ Công văn số 3191/UBND-GD ngày 05/4/2022 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh về việc phê duyệt phương án tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2022-2023, Quyết định số 2736/QĐ-SGDĐT, ngày 27/05/2021 của Sở GD&ĐT về việc ban hành Quy định tuyển sinh vào lớp 6 và lớp 10 đối với các trường trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Sở GD&ĐT hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

I. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

Thực hiện theo Quyết định số 926/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tại tỉnh Thừa Thiên Huế, năm học 2022-2023; Quyết định số 823/QĐ-SGDĐT ngày 15/4/2022 của Sở GD&ĐT về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục trung học phổ thông năm học 2022-2023 (Phụ lục 2).

II. HUY ĐỘNG TRẺ VÀO TRƯỜNG MẦM NON, TUYỂN SINH LỚP 1

Các phòng GD&ĐT huyện, thị xã và thành phố Huế chỉ đạo các trường mầm non và tiểu học trực thuộc thực hiện các nội dung sau:

- Các trường mầm non huy động 100% trẻ 5 tuổi trên địa bàn đến trường, đảm bảo thực hiện tốt chương trình phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; có kế hoạch nâng cao tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo từ 3-4 tuổi đến trường theo chỉ tiêu đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Các trường tiểu học huy động 100% trẻ trong độ tuổi quy định⁽¹⁾ trên địa bàn vào lớp 1; động viên cha mẹ đưa các cháu khuyết tật ra lớp học hòa nhập, chuyên biệt.

⁽¹⁾ Điều 33 Điều lệ Trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ;

- Thời gian tuyển sinh: Từ 01/6/2022 đến 31/7/2022.

III. TUYỂN SINH LỚP 6

1. Tuyển sinh vào Trường THCS Nguyễn Tri Phương-Huế

a) Phương thức tuyển sinh: Kết hợp xét tuyển với kiểm tra, đánh giá năng lực thí sinh (tổ chức xét tuyển nếu số thí sinh đăng ký dự tuyển thấp hơn chỉ tiêu tuyển).

b) Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành chương trình tiểu học, có độ tuổi theo quy định⁽²⁾.

c) Điều kiện dự tuyển: Thí sinh dự tuyển phải hội đủ các điều kiện sau:

- Không bị lưu ban trong các năm học ở cấp tiểu học;
- Từ lớp 1 đến lớp 5: Thí sinh được xác nhận hoàn thành chương trình lớp học, có điểm bài kiểm tra định kỳ cuối năm đối với các môn học đánh giá bằng điểm số từ 7,0 điểm trở lên (các môn ngoại ngữ, Tin học tính từ lớp 3 trở lên), riêng tổng điểm bài kiểm tra định kỳ cuối năm của 2 (hai) môn Toán và môn Tiếng Việt lớp 5 phải đạt từ 19,0 điểm trở lên.

d) Môn kiểm tra, đánh giá năng lực:

- Toán : 60 phút (tự luận).
- Tiếng Việt : 60 phút (tự luận).
- Ngoại ngữ (Tiếng Anh hoặc Tiếng Pháp): 45 phút (trắc nghiệm).

e) Lịch kiểm tra, đánh giá năng lực:

Ngày 31/5/2022	Môn	Thời gian làm bài	Giờ phát đề thi cho thí sinh	Giờ bắt đầu làm bài
Buổi sáng	Tiếng Việt	60 phút	07 giờ 55	08 giờ 00
Buổi chiều	Toán	60 phút	13 giờ 55	14 giờ 00
	Ngoại ngữ	45 phút	15 giờ 50	16 giờ 00

f) Điều kiện và nguyên tắc xét tuyển:

- Tổng điểm kiểm tra, đánh giá năng lực các môn Toán, Tiếng Việt và Ngoại ngữ là căn cứ để xét trúng tuyển.

- Chỉ xét tuyển đối với thí sinh đã tham gia đủ các bài kiểm tra, đánh giá năng lực theo quy định, không vi phạm Quy chế, không có bài kiểm tra nào bị điểm 0.

- Căn cứ tổng điểm kiểm tra, đánh giá năng lực, xác định từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng, nếu có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau nhưng không thể tuyển hết thì tiếp tục xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: có tổng điểm kiểm tra định kỳ cuối năm lớp 5 các môn: Toán, Tiếng Việt, Ngoại ngữ cao hơn; có tổng điểm kiểm tra định kỳ cuối năm lớp 5 các môn: Toán, Tiếng Việt cao hơn. Nếu vẫn chưa xác định được thí sinh trúng tuyển thì xét tương tự lần lượt đối với kết quả điểm lớp 4, lớp 3, lớp 2, lớp 1 để phân định.

⁽²⁾ Điều 33 Điều lệ Trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT

- Quy định tuyển sinh đối với lớp học môn ngoại ngữ 1 là Tiếng Pháp, căn cứ vào mức điểm xét tuyển của thí sinh đạt được và số lượng thí sinh ĐKDT, Sở GD&ĐT xem xét, quyết định số lượng tuyển tối đa cho 01 lớp theo chỉ tiêu.

2. Tuyển sinh vào các trường khác

a) Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

b) Chỉ tiêu tuyển sinh: Các Phòng GD&ĐT căn cứ chỉ tiêu cơ bản của Kế hoạch phát triển sự nghiệp GD&ĐT năm học 2022-2023 theo Quyết định của UBND tỉnh để tham mưu UBND huyện/thị xã/thành phố chỉ đạo tuyển sinh cụ thể cho từng trường, từng loại hình trường (trong đó, lưu ý trường THCS DTNT) đảm bảo hợp lý, thuận lợi cho nhân dân, đáp ứng mục tiêu phổ cập giáo dục THCS và đúng quy định hiện hành.

c) Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh thuộc địa bàn tuyển sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học, có độ tuổi theo quy định.

d) Thời gian tuyển sinh: Từ ngày 09/6/2022 đến ngày 31/7/2022 (hoặc ngay sau khi có kết quả kiểm tra, đánh giá năng lực vào lớp 6 trường THCS Nguyễn Tri Phương-Huế).

IV. TUYỂN SINH LỚP 10

1. Lịch thi

Ngày	Buổi	Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ phát đề cho thí sinh	Giờ bắt đầu làm bài
08/6/2022	Sáng	08 giờ 00: Họp cán bộ làm công tác coi thi tại Điểm thi			
	Chiều	14 giờ 00: Thí sinh đến phòng thi làm thủ tục dự thi, đính chính sai sót (nếu có) và nghe phổ biến Quy chế thi, Lịch thi			
09/6/2022 (Môn chung)	Sáng	Ngữ văn	120 phút	07 giờ 55	08 giờ 00
	Chiều	Toán	120 phút	13 giờ 25	13 giờ 30
		Ngoại ngữ	60 phút	16 giờ 05	16 giờ 15
10/6/2022 (Môn chuyên)	Sáng	Ngữ văn, Toán	150 phút	07 giờ 55	08 giờ 00
		Tiếng Anh	120 phút	07 giờ 55	08 giờ 00
		07 giờ 30: Thi nói môn thi Tiếng Pháp, Tiếng Nhật			
	Chiều	Vật lý, Sinh học, Tin học, Lịch sử, Địa lý	150 phút	13 giờ 55	14 giờ 00
		Hoá học, Tiếng Pháp, Tiếng Nhật	120 phút	13 giờ 55	14 giờ 00
		13 giờ 30: Thi nói môn thi Tiếng Anh			
11/6/2022	Sáng	07 giờ 30: Thi nói các môn thi Ngoại ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Nhật)			

2. Tuyển sinh vào Trường THPT chuyên Quốc Học

a) **Phương thức tuyển sinh:** Thi tuyển.

b) **Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:**

- Học sinh trong và ngoài tỉnh đã tốt nghiệp cấp THCS, có độ tuổi theo quy định; có đủ hồ sơ hợp lệ; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự; không trong thời gian bị kỷ luật cấm tham gia dự tuyển.

- Kết quả xếp loại hạnh kiểm, học lực cả năm của tất cả các lớp cấp THCS từ loại khá trở lên;

- Kết quả xếp loại tốt nghiệp cấp THCS từ loại khá trở lên.

c) **Đăng ký dự tuyển:** Mỗi thí sinh được ĐKDT đồng thời tối đa 02 nguyện vọng chuyên (NVC), cụ thể:

- NVC1: Thí sinh đăng ký dự tuyển vào 01 (một) trong 11 (mười một) môn chuyên: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Nhật.

- NVC2: Thí sinh đăng ký dự thi chuyên Toán (NVC1) được đăng ký thêm NVC2 là một trong các môn chuyên: Vật lý, Hóa học, Sinh học hoặc Tin học; thí sinh đăng ký dự thi chuyên Ngữ văn (NVC1) được đăng ký thêm NVC2 là môn chuyên Lịch sử hoặc Địa lý; thí sinh đăng ký dự thi chuyên Tiếng Anh (NVC1) được đăng ký thêm NVC2 là môn chuyên Tiếng Pháp hoặc Tiếng Nhật.

d) **Tổ chức tuyển sinh:** Qua 2 vòng.

*Vòng 1: Tổ chức sơ tuyển đối với những học sinh có hồ sơ dự tuyển hợp lệ và đủ điều kiện dự tuyển tại điểm b, khoản 2.1, Mục IV của văn bản này theo các tiêu chí sơ tuyển quy định (*Phụ lục 3*).

*Vòng 2: Tổ chức thi tuyển đối với những học sinh đã qua sơ tuyển Vòng 1. Biên chế tối đa không quá 14 lớp. Trong đó, các môn: Toán, Vật lý, Hóa học và Tiếng Anh, mỗi môn được biên chế từ 01 đến 02 lớp; các môn còn lại, căn cứ số lượng tuyển sinh thực tế, mỗi môn biên chế 01 lớp.

- Môn thi và đề thi:

+ Môn thi: Thí sinh phải dự thi đủ 03 môn thi chung: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ và tối thiểu 01 môn chuyên (đối với thí sinh có đăng ký NVC2 thì phải thi thêm môn chuyên thứ hai). Nếu môn chuyên là Ngữ văn, Toán hoặc một trong các môn Ngoại ngữ thì mỗi môn này phải thi 2 bài: Một bài thi không chuyên và một bài thi chuyên với mức độ yêu cầu cao hơn; thí sinh dự tuyển vào lớp chuyên Tin học sẽ thi môn Toán thay thế (khác đề thi tuyển sinh lớp chuyên Toán).

+ Hình thức thi: Đề thi theo hình thức tự luận. Riêng môn Ngoại ngữ chuyên được áp dụng các hình thức phù hợp để đánh giá cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; môn Ngoại ngữ không chuyên áp dụng hình thức trắc nghiệm.

- Thang điểm và hệ số điểm bài thi:

+ Điểm bài thi tính theo thang điểm 10, nếu chấm bài thi theo thang điểm khác thì kết quả điểm các bài thi phải quy đổi ra thang điểm 10;

+ Hệ số điểm bài thi: Điểm các bài thi không chuyên tính hệ số 1, điểm các bài thi môn chuyên tính hệ số 2.

- Điểm xét tuyển: Điểm xét tuyển vào lớp chuyên là tổng số điểm các bài thi không chuyên, điểm bài thi môn chuyên tương ứng với lớp chuyên (đã tính hệ số).

- Điều kiện và nguyên tắc xét tuyển:

+ Chỉ xét tuyển đối với những thí sinh được tham gia thi tuyển, đã thi đủ các bài thi quy định, không vi phạm Quy chế và các bài thi đều đạt điểm lớn hơn 2,0.

+ Xét đồng thời NVC1 và NVC2 đối với các lớp chuyên để xác định trúng tuyển. Chỉ những thí sinh không trúng tuyển NVC1 mới được xét NVC2 (nếu có).

+ Căn cứ điểm xét tuyển, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu cho từng lớp chuyên. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng, nếu có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau nhưng không thể tuyển hết thì tiếp tục xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: Có NVC1; có điểm thi môn chuyên đăng ký dự thi cao hơn; có điểm sơ tuyển cao hơn; có điểm trung bình môn chuyên đăng ký dự thi năm học lớp 9 cao hơn; có điểm trung bình các môn học cuối năm học lớp 9 cao hơn.

***Lưu ý:** Những thí sinh không trúng tuyển vào Trường THPT chuyên Quốc Học, nếu đã đăng ký dự tuyển theo quy định vào các trường THPT tuyển sinh theo phương thức kết hợp thi tuyển với xét tuyển thì được sử dụng kết quả của 03 môn thi chung: Ngữ văn, Toán và Ngoại ngữ để dự xét theo nguyện vọng (NV) đã đăng ký; nếu đã đăng ký dự tuyển vào các trường THPT tuyển sinh theo phương thức xét tuyển thì thực hiện theo quy định.

3. Tuyển sinh vào Trường Phổ thông DTNT tỉnh

a) Phương thức tuyển sinh: Kết hợp thi tuyển với xét tuyển.

b) Đối tượng, điều kiện dự tuyển:

- Đối tượng tuyển sinh:

+ Tất cả thanh niên, thiếu niên là con em dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú và định cư từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) ở các huyện A Lưới, Nam Đông, Phú Lộc, Phong Điền và thị xã Hương Trà.

+ Trường Phổ thông DTNT được phép tuyển sinh không quá 5% trong tổng số chỉ tiêu được tuyển mới hằng năm là con em người dân tộc Kinh có hộ khẩu thường trú và định cư từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành.

- Điều kiện dự tuyển: Thí sinh thuộc đối tượng tuyển sinh phải đảm bảo các điều kiện sau:

+ Đã tốt nghiệp cấp THCS chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, có độ tuổi theo quy định;

+ Có hạnh kiểm và học lực lớp cuối cấp xếp từ loại Khá trở lên.

c) Môn thi: Thí sinh phải dự thi đủ 02 môn thi chung: Ngữ văn và Toán theo hình thức tự luận. (Lịch thi theo quy định tại khoản 1, Mục IV văn bản này).

***Lưu ý:** Kỳ thi tuyển sinh vào Trường Phổ thông DTNT Tỉnh được tổ chức tại hai điểm thi, một điểm thi đặt tại huyện Nam Đông và một điểm thi đặt tại huyện A

Lưới. Những thí sinh thuộc đối tượng tuyển sinh ở thị xã Hương Trà, huyện Phong Điền, Phú Lộc được phép chọn đăng ký dự thi tại điểm thi huyện Nam Đông, huyện A Lưới hoặc các điểm thi tại thành phố Huế.

d) Điểm bài thi: Điểm bài thi là tổng điểm thành phần của từng câu trong đề thi, điểm bài thi cho theo thang điểm từ điểm 0 đến điểm 10, điểm lẻ đến 0,25.

e) Điểm kết quả rèn luyện và học tập 04 năm cấp THCS của thí sinh được tính theo quy định (*Phụ lục 4*).

f) Điểm xét tuyển: Là tổng điểm của số điểm hai bài thi (đã nhân đôi); điểm tính theo kết quả rèn luyện, học tập của 4 năm học ở cấp THCS; điểm ưu tiên và điểm khuyến khích (nếu có).

g) Điều kiện và nguyên tắc xét tuyển:

- Chỉ xét tuyển đối với những thí sinh đã thi đủ hai bài thi theo quy định, không vi phạm Quy chế thi, không có bài thi nào bị điểm 0 (thí sinh không dự thi môn nào thì bài thi môn đó bị điểm 0).

- Căn cứ điểm xét tuyển, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu được giao. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng, nếu có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau nhưng không thể tuyển hết thì tiếp tục xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: Có tổng điểm hai bài thi cao hơn; có điểm trung bình các môn học cuối năm học lớp 9 cao hơn; có tổng điểm trung bình của hai môn dự thi ở năm học lớp 9 cao hơn.

4. Tuyển sinh vào các trường THPT và trung tâm GDNN-GDTX

4.1. Tuyển sinh vào các trường THPT công lập trên địa bàn thành phố Huế⁽³⁾

a) Phương thức tuyển sinh: Kết hợp thi tuyển với xét tuyển.

b) Đối tượng tuyển sinh:

- Tất cả các thí sinh đã và đang học cấp THCS (hoặc có hộ khẩu thường trú) trên địa bàn thành phố Huế và một số xã, phường của các huyện, thị xã tiếp giáp với thành phố Huế theo quy định của Sở GD&ĐT (*Phụ lục 5*) đã tốt nghiệp THCS chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên; có độ tuổi theo quy định.

- Thí sinh tốt nghiệp cấp THCS các năm học trước hoặc mới được xét công nhận tốt nghiệp cấp THCS năm học 2021-2022 thuộc địa bàn tuyển sinh, nếu còn đủ điều kiện về độ tuổi theo quy định thì được ĐKDT như đối với các thí sinh khác.

c) Đăng ký dự tuyển:

- Thí sinh được đăng ký tối đa 02 NV dự tuyển.

- Đăng ký môn thi ngoại ngữ: Thí sinh được đăng ký môn thi ngoại ngữ một trong ba ngoại ngữ sau: Tiếng Anh, Tiếng Pháp hoặc Tiếng Nhật.

- Tuyển sinh các lớp học môn ngoại ngữ là Tiếng Pháp, Tiếng Nhật: Thí sinh dự tuyển đăng ký môn thi và lớp học môn ngoại ngữ là Tiếng Pháp, Tiếng Nhật (NV1) sẽ được xét ưu tiên để đảm bảo duy trì các lớp ngoại ngữ đặc thù này khi đăng ký vào các trường THPT có giảng dạy Tiếng Pháp, Tiếng Nhật tương ứng.

(3). Gồm cả các trường: THPT Phan Đăng Lưu, THPT Thuận An và THPT Hương Vinh.

- Thí sinh dự tuyển chỉ được đăng ký NV1 vào các trường THPT có giảng dạy ngoại ngữ như môn ngoại ngữ đăng ký thi. Đối với thí sinh dự tuyển vào lớp Tiếng Nhật (hoặc Tiếng Pháp), nếu không trúng tuyển NV1, thí sinh sẽ được xét tuyển vào trường theo NV2. Nếu trường đăng ký NV2 không có giảng dạy môn ngoại ngữ đăng ký thi (Tiếng Nhật hoặc Tiếng Pháp) thì sẽ được xét tuyển vào lớp học môn ngoại ngữ là Tiếng Anh (nếu đủ điều kiện xét tuyển).

d) Môn thi: Thí sinh phải dự thi đủ 03 môn thi chung: Ngữ văn và Toán theo hình thức tự luận; Ngoại ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Pháp hoặc Tiếng Nhật) theo hình thức trắc nghiệm. (Lịch thi theo quy định tại khoản 1, Mục IV văn bản này).

e) Điểm xét tuyển:

- Điểm bài thi: Là tổng điểm thành phần của từng câu trong đề thi. Điểm bài thi chia theo thang điểm 10, điểm lẻ đến 0,25.

- Điểm xét tuyển là tổng điểm của số điểm bài thi Ngữ văn và Toán (tính hệ số 2); điểm của bài thi Ngoại ngữ; tổng điểm tính theo kết quả rèn luyện, học tập của 4 năm học cấp THCS (*Phụ lục 4*); điểm ưu tiên (nếu có).

f) Điều kiện và nguyên tắc xét tuyển:

- Chỉ xét tuyển đối với những thí sinh dự thi đủ các bài thi theo quy định, không có bài thi nào bị điểm 0, không vi phạm Quy chế.

- Xét NV1 trước để xác định trúng tuyển. Chỉ những thí sinh không trúng tuyển NV1 mới được xét NV2 (nếu có). Điểm trúng tuyển NV2 phải lớn hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển NV1 của cùng đơn vị tuyển sinh.

- Căn cứ điểm xét tuyển, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu được giao cho từng đơn vị tuyển sinh. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng, nếu có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau nhưng không thể tuyển hết thì tiếp tục xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: Có tổng điểm bài thi của 03 (ba) môn thi (đã tính hệ số) cao hơn; có điểm trung bình các môn học cuối năm lớp 9 cao hơn; có tổng điểm trung bình của môn Ngữ văn và môn Toán năm lớp 9 cao hơn; trường hợp vẫn chưa xác định được thí sinh trúng tuyển thì tiếp tục xét điểm trung bình các môn học cuối năm học, tổng điểm trung bình của môn Ngữ văn và môn Toán các năm học lớp 8, 7, 6 cao hơn để phân định.

- Để đảm bảo số lượng và chất lượng tuyển sinh, Sở GD&ĐT sẽ họp với Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh các trường THPT để xác định điểm chuẩn trúng tuyển, xét duyệt nguyện vọng 2.

4.2. Tuyển sinh vào lớp 10 Trường THPT Thuận Hóa - ĐHSPT Huế và các trường Đại học có dạy hệ phổ thông thuộc ĐH Huế

Tuyển sinh theo Kết luận số 4945/UBND-GD ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh và Đề án thành lập Trường THPT Chuyên ĐHKH được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở GD&ĐT xem xét đề xuất của Trường THPT Thuận Hóa-ĐHSPT Huế và các trường Đại học có dạy hệ phổ thông thuộc ĐH Huế để phê duyệt.

4.3. Tuyển sinh các trường THPT còn lại; trung tâm GDNN-GDTX

a) Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

b) Địa bàn tuyển sinh:

Tất cả các thí sinh đã và đang học cấp THCS (hoặc có hộ khẩu thường trú) trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố nào thì ĐKDT vào các trường, trung tâm trên địa bàn đó. Trường hợp thí sinh thuộc các xã, phường, thị trấn của các huyện, thị xã, thành phố tiếp giáp với các huyện, thị xã, thành phố khác thì được ĐKDT vào trường, trung tâm gần nhất theo quy định của Sở GD&ĐT (*Phụ lục 5*).

c) Đối tượng tuyển sinh:

- Thí sinh đã tốt nghiệp THCS chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên; có độ tuổi theo quy định.

- Thí sinh tốt nghiệp THCS các năm học trước hoặc mới được xét công nhận tốt nghiệp THCS năm học 2021-2022 nếu còn đủ điều kiện về độ tuổi theo quy định thì được ĐKDT như đối với các thí sinh khác.

d) Đăng ký dự tuyển: Thí sinh được đăng ký 01 NV dự tuyển.

e) Quy định tính điểm kết quả rèn luyện và học tập hàng năm: *Phụ lục 4*.

f) Điểm xét tuyển: Là tổng điểm của số điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập của 4 năm học cấp THCS với điểm ưu tiên (nếu có).

g) Nguyên tắc xét tuyển: Căn cứ điểm xét tuyển, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu được giao. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng, nếu có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau nhưng không thể tuyển hết thì tiếp tục xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: có điểm trung bình các môn học cuối năm học lớp 9 cao hơn; có tổng điểm trung bình của môn Ngữ văn và môn Toán của năm học lớp 9 cao hơn.

V. HỒ SƠ TUYỂN SINH, ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Hồ sơ nhập học

1.1. Tuyển sinh vào lớp 6 Trường THCS Nguyễn Tri Phương

- Đơn dự tuyển (kết xuất từ phần mềm đăng ký tuyển sinh trực tuyến);
- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;
- Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tiểu học;
- Học bạ cấp tiểu học (bản chính).

1.2. Tuyển sinh vào lớp 10

- Đơn dự tuyển (kết xuất từ phần mềm đăng ký tuyển sinh trực tuyến);
- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;
- Bằng tốt nghiệp THCS (bản sao từ sổ gốc hoặc bản chứng thực) hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời;
- Học bạ cấp THCS (bản chính);
- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (*nếu có*);

- Giấy xác nhận do ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn cấp (đối với người học đã tốt nghiệp THCS từ những năm học trước) không trong thời gian thi hành án phạt tù; cải tạo không giam giữ hoặc vi phạm pháp luật.

***Lưu ý:** Đối với hồ sơ tuyển sinh vào Trường Phổ thông DTNT Tỉnh có thêm các thành phần sau:

- Sổ hộ khẩu (bản sao xuất trình bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực);

- Giấy xác nhận chế độ khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

2. Đăng ký dự tuyển và nộp hồ sơ tuyển sinh

- Việc đăng ký tuyển sinh vào lớp 10 các trường THPT trên địa bàn tỉnh và kiểm tra, đánh giá năng lực tuyển sinh vào lớp 6 Trường THCS Nguyễn Tri Phương-Huế được thực hiện bằng hình thức trực tuyến trên Cổng thông tin đào tạo của trường (theo văn bản hướng dẫn riêng của Sở GD&ĐT).

- Đối với những thí sinh hoàn thành chương trình tiểu học, tốt nghiệp các chương trình THCS tại nước ngoài, tại các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài hoặc có thời gian vừa học tập ở nước ngoài và ở Việt Nam, nếu có nguyện vọng đăng ký dự tuyển vào lớp 6 Trường THCS Nguyễn Tri Phương và lớp 10 thì tùy trường hợp cụ thể, Hội đồng tuyển sinh xem xét, trình Giám đốc Sở GD&ĐT quyết định.

- Các Phòng GD&ĐT chỉ đạo các trường tiểu học, THCS trực thuộc tổ chức rà soát và kiểm tra hồ sơ đảm bảo chính xác, đầy đủ các thông tin; lưu ý điểm cộng ưu tiên của thí sinh (nếu có), nguyện vọng đăng ký dự tuyển, điểm học tập và rèn luyện các năm học cấp THCS; điểm sơ tuyển của các học sinh đăng ký dự tuyển vào Trường THPT chuyên Quốc Học; đảm bảo xác định đúng, đủ số lượng học sinh đăng ký của trường mình.

- Sau khi có kết quả tuyển sinh, Trường THCS Nguyễn Tri Phương-Huế và các trường THPT, Trường Phổ thông DTNT Tỉnh tổ chức nhận hồ sơ nhập học của các thí sinh trúng tuyển; kiểm tra các điều kiện dự tuyển của tất cả các thí sinh theo quy định về tính hợp lệ, tính chính xác của hồ sơ trước thời điểm khai giảng năm học mới 2022-2023. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra của toàn bộ hồ sơ trúng tuyển của đơn vị mình. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát hiện có vấn đề, nghi vấn phải tiến hành xác minh làm rõ và kịp thời báo cáo Sở GD&ĐT để được chỉ đạo xử lý.

- Thí sinh chỉ được chính thức công nhận trúng tuyển sau khi Hội đồng tuyển sinh các trường xem xét đúng, đủ hồ sơ, lập danh sách đề nghị và được Giám đốc Sở GD&ĐT phê duyệt.

- Thí sinh không đến nộp hồ sơ nhập học đúng thời gian quy định được xem như không có nhu cầu học và sẽ không được công nhận trúng tuyển; trường hợp có lý do đặc biệt sẽ do Chủ tịch hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định. Các đơn vị có trách nhiệm báo cáo Sở GD&ĐT số lượng thí sinh trúng tuyển đến nhập học theo quy định.

- Lịch và nội dung làm việc; địa điểm nhận hồ sơ: Thực hiện theo **Phụ lục 1**.

VI. TUYỂN THĂNG, CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN, KHUYẾN KHÍCH

1. Tuyển thăng

- Tuyển thăng vào trường THPT: Thực hiện theo khoản 1 Điều 7 Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT hiện hành.

- Tuyển thăng vào Trường Phổ thông DTNT tỉnh: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 20 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông DTNT ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

**Quy định nộp hồ sơ:*

- Hồ sơ tuyển thăng nộp tại các trường THPT theo quy định trên trong thời gian các trường thu nhận hồ sơ đăng ký tuyển sinh. Các trường THPT chịu trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ và chính xác hồ sơ đối với các trường hợp tuyển thăng.

- Thí sinh thuộc diện tuyển thăng vào THPT ở các huyện, thị xã thì nộp hồ sơ vào các trường THPT theo địa bàn tuyển sinh;

- Tại thành phố Huế: thí sinh khiếm thị nộp hồ sơ vào Trường THPT Hai Bà Trưng, thí sinh khuyết tật khác nộp hồ sơ vào Trường THPT Bùi Thị Xuân và Trường THPT Nguyễn Trường Tộ. Trong trường hợp đặc biệt, để đảm bảo thuận lợi cho các thí sinh khuyết tật, Giám đốc Sở GD&ĐT xem xét để điều chỉnh trường học phù hợp. Thí sinh có năng khiếu về văn hóa, thể dục, thể thao nộp hồ sơ vào Trường THPT Gia Hội; Học sinh đạt giải văn hóa được tuyển thăng theo quy định nộp hồ sơ vào trường THPT theo nguyện vọng của học sinh.

2. Cộng điểm ưu tiên

2.1. Cộng 3,0 điểm cho một trong các đối tượng:

- Con liệt sĩ;
- Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên;
- Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên;
- Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”.

2.2. Cộng 2,5 điểm cho một trong các đối tượng:

- Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động.
- Con thương binh mất sức lao động dưới 81%;
- Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;
- Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.

2.3. Cộng 2,0 điểm cho một trong các đối tượng:

- Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;
- Người dân tộc thiểu số;
- Người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn.

***Lưu ý:** Trường hợp thí sinh có nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất.

3. Cộng điểm khuyến khích đối với thí sinh thi nghề phổ thông (chỉ áp dụng cho các trường phổ thông DTNT)

Thí sinh được cấp chứng nhận nghề phổ thông trong kỳ thi do Sở GD&ĐT tổ chức ở cấp THCS:

- Loại Giỏi : Cộng 1,5 điểm;
- Loại Khá : Cộng 1,0 điểm;
- Loại Trung bình : Cộng 0,5 điểm.

VII. TUYỂN SINH BỔ SUNG

1. Các trường tuyển chưa đủ chỉ tiêu được giao ở Đợt 1 được phép tuyển bổ sung Đợt 2 theo hướng dẫn tuyển sinh năm học 2022-2023 của Sở GD&ĐT.

2. Thí sinh không trúng tuyển Đợt 1 được phép nộp hồ sơ dự tuyển Đợt 2 (nộp trực tiếp) vào một trong các trường tuyển chưa đủ chỉ tiêu được giao, sau khi có thông báo của Sở GD&ĐT.

VIII. THÀNH LẬP CÁC HỘI ĐỒNG

Sở GD&ĐT quyết định thành lập các Hội đồng tuyển sinh đối với các trường THPT và trường THCS trực thuộc.

1. Thành phần Hội đồng tuyển sinh gồm: Chủ tịch là hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng; phó chủ tịch là phó hiệu trưởng, thư ký và một số ủy viên. Thành viên hội đồng tuyển sinh được cử trong số cán bộ quản lý và giáo viên có kinh nghiệm, có phẩm chất đạo đức tốt và tinh thần trách nhiệm cao.

2. Sở GD&ĐT quyết định thành lập Hội đồng thi và các ban của Hội đồng thi đối với tuyển sinh Trường THPT chuyên Quốc Học và các trường THPT tuyển sinh theo phương thức kết hợp thi tuyển với xét tuyển.

- Các phòng GD&ĐT, các trường THPT, THCS Nguyễn Tri Phương cử cán bộ, giáo viên tham gia làm công tác thi, khảo sát năng lực: Theo số lượng đảm bảo những yêu cầu sau:

*Đối với giáo viên coi thi, khảo sát năng lực:

- Các phòng GD&ĐT không cử cán bộ, giáo viên đang dạy cấp tiểu học làm nhiệm vụ tuyển sinh Trường THCS Nguyễn Tri Phương.

- Không có con, em ruột bên vợ hoặc chồng tham dự kỳ kiểm tra, đánh giá năng lực vào lớp 6 Trường THCS Nguyễn Tri Phương (*nếu làm nhiệm vụ tại kỳ khảo sát năng lực tuyển sinh vào Trường THCS Nguyễn Tri Phương*).

- Không có con, em ruột bên vợ hoặc chồng dự thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT (*nếu coi thi tuyển sinh vào trường THPT*).

*Đối với cán bộ, giáo viên tham gia hội đồng chấm sinh:

- Không có con, em ruột bên vợ hoặc chồng tham dự kỳ kiểm tra, đánh giá năng lực vào lớp 6 Trường THCS Nguyễn Tri Phương (*nếu làm nhiệm vụ tại kỳ khảo sát năng lực tuyển sinh vào Trường THCS Nguyễn Tri Phương*).

- Không có con, em ruột bên vợ hoặc chồng dự thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT (nếu chấm thi tuyển sinh vào trường THPT).

- Danh sách đề cử cán bộ, giáo viên tham gia Hội đồng tuyển sinh của các trường THCS, THPT trực thuộc; danh sách giáo viên đề cử tham gia coi thi và danh sách giáo viên đề cử tham gia làm nhiệm vụ tuyển sinh vào Trường THCS Nguyễn Tri Phương, trường THPT công lập, được thực hiện trên Cổng thông tin Đào tạo của đơn vị và gửi về Sở GD&ĐT (qua Phòng KT-KĐCLGD) trước ngày 20/5/2022 bằng văn bản. Số lượng nhân sự đề cử tham gia theo Phụ lục 6 và Phụ lục 7.

***Chú ý:** Các giáo viên được nhà trường cử tham gia chấm thi, phải đảm bảo có mặt tại địa phương tỉnh Thừa Thiên Huế trong suốt thời gian tổ chức chấm tuyển sinh cho đến khi kết quả phúc khảo bài thi được công bố, để Sở GD&ĐT điều động theo các nhiệm vụ cụ thể.

Sở GD&ĐT yêu cầu các đơn vị nghiên cứu, phổ biến, tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung hướng dẫn tại Công văn này. Trong quá trình triển khai, nếu có vấn đề vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở GD&ĐT (qua Phòng Khảo thí và KĐCLGD) để được giải thích thêm ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo Sở GD&ĐT;
- Các phòng thuộc Sở GD&ĐT;
- Website Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, KTKĐCLGD.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tân

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-KTKĐCLGD ngày /4/2022 của Sở GD&ĐT)

Phụ lục 1**QUY ĐỊNH CÁC MỐC THỜI GIAN THỰC HIỆN
CÔNG TÁC TUYỂN SINH NĂM HỌC 2022-2023**

Thời gian	Công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị thực hiện
1. TUYỂN SINH LỚP 6			
1.1. Tuyển sinh Trường THCS Nguyễn Tri Phương - Huế			
17-22/5/2022	Hướng dẫn và tổ chức cho học sinh các trường Tiểu học có nguyện vọng Kiểm tra, đánh giá năng lực vào lớp 6 trường THCS Nguyễn Tri Phương thực hiện đăng ký trực tuyến trên Cổng thông tin Đào tạo: http://tuyensinh.thuathienhue.edu.vn	Các Phòng GD&ĐT	Các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh
23-24/5/2022	Các trường Tiểu học duyệt danh sách đăng ký tuyển sinh trên hệ thống Website và tải danh sách ghi vào đĩa CD (có ký xác nhận trên nhãn đĩa) đồng thời in ra giấy một bản danh sách tất cả các thí sinh đăng ký (có ký xác nhận của Hiệu trưởng) và gửi về Phòng GD&ĐT.	Các Phòng GD&ĐT	Các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh
Chậm nhất 17h00 ngày 25/5/2022	Phòng GD&ĐT duyệt danh sách đăng ký tuyển sinh chính thức và tải danh sách ghi vào đĩa CD (có ký xác nhận trên nhãn đĩa) đồng thời in ra giấy một bản danh sách tất cả các thí sinh đăng ký nguyện vọng (có ký xác nhận của Lãnh đạo Phòng GD&ĐT) và gửi về Phòng KT-KĐCLGD	Sở GD&ĐT	Phòng GD&ĐT
27/5/2022	Trường THCS Nguyễn Tri Phương nhận thẻ dự thi tại Phòng KT-KĐCLGD để phát cho học sinh.	Sở GD&ĐT	THCS Nguyễn Tri Phương
28/5/2022	Các điểm thi tiếp nhận hồ sơ của Điểm thi tại Phòng KT-KĐCLGD	Sở GD&ĐT	Thư ký điểm thi
31/5/2022	Kiểm tra, đánh giá năng lực vào lớp 6 Trường THCS Nguyễn Tri Phương	Sở GD&ĐT	Các Điểm thi
01-07/6/2022	Tổ chức chấm kiểm tra, đánh giá năng lực	Sở GD&ĐT	Hội đồng thi
08/6/2022	Công bố kết quả trúng tuyển	Sở GD&ĐT	
09-15/6/2022	Trường THCS Nguyễn Tri Phương thu nhận hồ sơ trúng tuyển		

Thời gian	Công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị thực hiện
15-19/6/2022	Trường THCS Nguyễn Tri Phương tổ chức rà soát và kiểm tra hồ sơ các học sinh trúng tuyển đảm bảo chính xác, đầy đủ.		
20/6/2022	Trường THCS Nguyễn Tri Phương báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ học sinh trúng tuyển về Sở GD&ĐT		
08-18/6/2022	Trường THCS Nguyễn Tri Phương nhận đơn phúc khảo		
20/6/2022	Nộp danh sách đề nghị phúc khảo về Sở GD&ĐT		
1.2. Tuyển sinh các trường THCS DTNT Nam Đông và A Lưới; các trường THCS			
	- Từ 09/6/2022: Các Phòng GD&ĐT triển khai công tác tuyển sinh theo kế hoạch đã trình UBND cấp huyện phê duyệt. - Từ 28/7/2022 đến 31/7/2022: Các Phòng GD&ĐT báo cáo số liệu tuyển sinh về Sở GD&ĐT.	Các Phòng GD&ĐT	Các trường THCS
2. TUYỂN SINH LỚP 10			
2.1. Tuyển sinh các trường THPT có thi tuyển			
07-12/5/2022	Hướng dẫn và tổ chức cho học sinh đăng ký nguyện vọng tuyển sinh trực tuyến trên Cổng thông tin Đào tạo (Đợt 1): http://tuyensinh.thuathienhue.edu.vn	Các Phòng GD&ĐT	Các trường THCS, THCS&THPT
13-15/5/2022	Các trường THCS duyệt danh sách đăng ký tuyển sinh trên Cổng thông tin Đào tạo và tải danh sách ghi vào đĩa CD (có ký xác nhận trên nhãn đĩa) đồng thời in ra giấy một bản danh sách tất cả các thí sinh đăng ký nguyện vọng (có ký xác nhận của Lãnh đạo trường) và gửi về Phòng GD&ĐT	Các Phòng GD&ĐT	Các trường THCS, THCS&THPT
16-17/5/2022	Các Phòng GD&ĐT duyệt danh sách đăng ký tuyển sinh trên Cổng thông tin Đào tạo và tải danh sách ghi vào đĩa CD (có ký xác nhận trên nhãn đĩa) đồng thời in ra giấy một bản danh sách tất cả các thí sinh đăng ký nguyện vọng (có ký xác nhận của Lãnh đạo phòng GD&ĐT) và gửi về Phòng KT-KĐCLGD Sở GD&ĐT	Sở GD&ĐT	Các Phòng GD&ĐT
Trước 20/5/2022	Sở tổng hợp dữ liệu và thông báo (lần 1) thống kê số lượng thí sinh đăng ký nguyện vọng tuyển sinh vào các trường THPT và THCS&THPT trên địa bàn tỉnh	Sở GD&ĐT	

Thời gian	Công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị thực hiện
20-24/5/2022	Trường THCS tổ chức cho học sinh đăng ký nguyện vọng tuyển sinh chính thức (giữ nguyên nguyện vọng cũ hoặc điều chỉnh nguyện vọng)	Các Phòng GD&ĐT	Các trường THCS, THCS&THPT
25-27/5/2022	Các trường THCS duyệt danh sách đăng ký tuyển sinh chính thức trên Cổng thông tin Đào tạo và tải danh sách ghi vào đĩa CD (có ký xác nhận trên nhãn đĩa) đồng thời in ra giấy một bản danh sách tất cả các thí sinh đăng ký nguyện vọng (có ký xác nhận của Lãnh đạo trường) và gửi về Phòng GD&ĐT	Các Phòng GD&ĐT	Các trường THCS, THCS&THPT
28-29/5/2022	Các trường Phòng GD&ĐT duyệt danh sách đăng ký tuyển sinh chính thức trên Cổng thông tin Đào tạo và tải danh sách ghi vào đĩa CD (có ký xác nhận trên nhãn đĩa) đồng thời in ra giấy một bản danh sách tất cả các thí sinh đăng ký nguyện vọng (có ký xác nhận của Lãnh đạo phòng GD&ĐT) và gửi về Phòng KT-KĐCLGD Sở GD&ĐT	Sở GD&ĐT	Các Phòng GD&ĐT
20-29/5/2022	Trường THPT chuyên Quốc Học nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển của học sinh ngoại tỉnh; duyệt danh sách và gửi về Sở thông qua phòng KT-KĐCLGD	Sở GD&ĐT	THPT chuyên Quốc Học
04/6/2022	Các trường THPT nhận thẻ dự thi của thí sinh tại Phòng KT&KĐCLGD	Sở GD&ĐT	Các trường THPT
05/6/2022	- Tất cả học sinh có đăng ký nguyện vọng thi vào THPT chuyên Quốc Học nhận thẻ dự thi tại trường THPT chuyên Quốc Học; - Tất cả học sinh có đăng ký vào các trường THPT công lập có thi tuyển nhưng không đăng ký nguyện vọng chuyên nhận thẻ dự thi tại trường THPT đăng ký Nguyên vọng 1.	Sở GD&ĐT	Các trường THPT
06/6/2022	Các Điểm thi tiếp nhận hồ sơ thi tại Phòng KT-KĐCLGD	Sở GD&ĐT	Thư ký các Điểm thi
Các ngày 09, 10 và 11/6/2022	Thi tuyển sinh theo lịch	Sở GD&ĐT	Các Điểm thi
22/6/2022	Công bố kết quả tuyển sinh	Sở GD&ĐT	
23-29/6/2022	Các trường thu nhận hồ sơ trúng tuyển	Sở GD&ĐT	Các trường THPT

Thời gian	Công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị thực hiện
30/6/2022 đến 06/7/2022	Các trường tổ chức rà soát và kiểm tra hồ sơ các học sinh trúng tuyển đảm bảo chính xác, đầy đủ. Báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ học sinh trúng tuyển về Sở GD&ĐT qua Phòng KT-KĐCLGD	Sở GD&ĐT	Các trường THPT
22/6/2022 đến 01/7/2022	Các trường nhận đơn phúc khảo	Sở GD&ĐT	Các trường THPT
03/7/2022	Các trường nộp danh sách đề nghị phúc khảo về Sở GD&ĐT	Sở GD&ĐT	Các trường THPT
2.2. Tuyển sinh THPT theo phương thức xét tuyển			
29/5/2022	Các trường THPT lấy dữ liệu học sinh đăng ký dự tuyển vào lớp 10 của trường từ Cổng thông tin đào tạo http://qlttdgd.tuathienhue.edu.vn/ để tiến hành xét tuyển sinh		
11-22/6/2022	Hội đồng tuyển sinh các trường họp xét tuyển sinh		
23-30/6/2022	Sở GD&ĐT duyệt tuyển sinh các trường THPT		
01-04/7/2022	Các trường thu nhận hồ sơ trúng tuyển		
05-11/7/2022	Các trường tổ chức rà soát và kiểm tra hồ sơ các học sinh trúng tuyển đảm bảo chính xác, đầy đủ. Báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ học sinh trúng tuyển về Sở GD&ĐT qua Phòng KT-KĐCLGD		
12/7/2022	Các trường tiếp nhận hồ sơ dự tuyển và xét tuyển bổ sung nếu chưa đủ chỉ tiêu		

Phụ lục 2**CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM HỌC 2022-2023**

TT	Tên trường	Chỉ tiêu	Số lớp	Ghi chú
1.	THCS Nguyễn Tri Phương	360	09	
2.	THPT Chuyên Quốc Học	420	14	
3.	THPT Nguyễn Huệ	588	14	
4.	THPT Hai Bà Trưng	588	14	
5.	THPT Gia Hội	546	13	
6.	THPT Cao Thắng	400	10	
7.	THPT Nguyễn Trường Tộ	400	10	
8.	THPT Đặng Trần Côn	440	11	
9.	THPT Bùi Thị Xuân	546	13	
10.	THPT Hương Vinh	420	10	
11.	THPT Phan Đăng Lưu	528	12	
12.	THPT Thuận An	528	12	
13.	THPT Thuận Hóa	180	06	
14.	THPT Phong Điền	266	07	
15.	THPT Nguyễn Đình Chiểu	380	10	
16.	THPT Tam Giang	266	07	
17.	THPT Trần Văn Kỷ	342	09	
18.	THPT Nguyễn Chí Thanh	480	12	
19.	THPT Hoá Châu	266	07	
20.	THPT Tố Hữu	228	06	
21.	THPT Đặng Huy Trứ	520	13	
22.	THPT Hương Trà	320	08	
23.	THPT Bình Điền	190	05	
24.	THPT Nguyễn Sinh Cung	430	10	
25.	THPT Vinh Xuân	430	10	
26.	THPT Hà Trung	200	05	
27.	THPT Hương Thủy	528	12	
28.	THPT Phú Bài	528	12	
29.	THPT Phú Lộc	308	07	
30.	THPT An Lương Đông	572	13	
31.	THPT Vinh Lộc	380	10	
32.	THPT Thừa Lưu	528	12	
33.	THPT Nam Đông	266	07	
34.	THPT A Lưới	315	09	
35.	THCS&THPT Trường Sơn	128	04	
36.	THCS&THPT Hồng Vân	96	03	
37.	THPT DTNT Tỉnh	100	03	

Phụ lục 3**QUY ĐỊNH ĐIỂM SƠ TUYỂN
VÀO TRƯỜNG THPT CHUYÊN QUỐC HỌC****A/ CƠ CẤU ĐIỂM SƠ TUYỂN: (100 điểm)**

I. Cộng điểm đạt giải các bộ môn văn hóa; giải quốc gia, khu vực, cấp tỉnh: Tối đa 40 điểm.

TT	Nội dung	Điểm cộng	Ghi chú
1.	Đạt giải các bộ môn văn hóa; quốc gia, khu vực		
1.1	Giải quốc gia, khu vực do Bộ tổ chức (MTCT, ViOlympic, IOE, OSE, UPU, Tin học trẻ, thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật); nhất cấp tỉnh	40	
1.2	Nhì cấp tỉnh các môn văn hóa	30	
1.3	Ba cấp tỉnh các môn văn hóa	20	
1.4	Khuyến khích cấp tỉnh các môn văn hóa	10	
1.5	Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh Quốc tế như TOEFL International; TOEFL Junior; IELTS; CAE; FCE; PET; KET hoặc tương đương đang còn hiệu lực.	20	
2	Giải cấp tỉnh liên quan đến lĩnh vực chuyên		
2.1	Nhất	20	
2.2	Nhì	15	
2.3	Ba	10	
2.4	Giải khuyến khích	05	

***Lưu ý:**

- Các giải liên quan đến lĩnh vực chuyên được cộng cho các môn như sau:

TT	Lĩnh vực	Môn được cộng điểm
1.	Máy tính cầm tay, ViOlympic	Toán
2.	IOE, OSE và các chứng chỉ Ngoại ngữ Quốc tế	Tiếng Anh
3.	Tin học trẻ không chuyên	Tin học
4.	Viết thư quốc tế UPU	Ngữ văn
5.	Cuộc thi khoa học, kỹ thuật thí sinh trung học	Môn chuyên liên quan lĩnh vực dự thi

- Những thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn thí sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh do Sở GD&ĐT tổ chức chỉ được tính điểm khi ĐKDT vào lớp chuyên tương ứng.

- Các giải liên quan đến lĩnh vực chuyên được tính điểm khi ĐKDT vào lớp chuyên tương ứng.

- Trường hợp một thí sinh đạt nhiều giải ở mục này thì chỉ lấy điểm của một giải cao nhất.

- Các giải nêu trên được tổ chức ở cấp THCS.

II. Cộng điểm xếp loại học lực 4 năm THCS: *Tối đa 40 điểm.*

TT	Nội dung	Điểm cộng	Ghi chú
1.	04 năm Giỏi	40	
2.	03 năm Giỏi (có năm lớp 9)	35	
3.	03 năm Giỏi (không có năm lớp 9)	30	
4.	02 năm Giỏi (có năm lớp 9)	25	
5.	02 năm Giỏi (không có năm lớp 9)	20	
6.	01 năm Giỏi (là năm lớp 9)	15	
7.	01 năm Giỏi (không phải năm lớp 9)	10	

III. Cộng điểm xếp loại tốt nghiệp THCS: *Tối đa 20 điểm*

TT	Nội dung	Điểm cộng	Ghi chú
1	Loại Giỏi	20	
2	Loại Khá	10	

B/ QUY ĐỊNH ĐIỂM SƠ TUYỂN

Điểm sơ tuyển Vòng 1 = Điểm mục I + điểm mục II + điểm mục III.

Những thí sinh đạt điểm sơ tuyển Vòng 1 theo quy định sau đây sẽ được dự thi Vòng 2:

1. Đạt từ 35 điểm trở lên đối với thí sinh dự thi vào các lớp chuyên: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học và Tin học.

2. Đạt từ 30 điểm trở lên đối với thí sinh dự thi vào các lớp chuyên: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Pháp và Tiếng Nhật.

Phụ lục 4**QUY ĐỊNH TÍNH ĐIỂM THEO KẾT QUẢ RÈN LUYỆN
VÀ HỌC TẬP CỦA 4 NĂM HỌC CẤP THCS****1. Tuyển sinh vào lớp 10 trường PT DTNT tỉnh, THPT công lập theo phương thức kết hợp thi tuyển với xét tuyển**

TT	Kết quả rèn luyện và học tập mỗi năm học ở cấp THCS		Điểm quy đổi	Ghi chú
	Hạnh kiểm	Học lực		
1.	Tốt	Giỏi	5,0	
2.	Khá	Giỏi	4,5	
3.	Tốt	Khá		
4.	Khá	Khá	4,0	
5.	Trung bình	Giỏi	3,5	
6.	Tốt	Trung bình		
7.	Khá	Trung bình	3,0	
8.	Trung bình	Khá		
9.	Các trường hợp còn lại		2,5	

2. Tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT theo phương thức xét tuyển

TT	Kết quả rèn luyện và học tập mỗi năm học ở cấp THCS		Điểm quy đổi	Ghi chú
	Hạnh kiểm	Học lực		
1.	Tốt	Giỏi	10,0	
2.	Khá	Giỏi	9,0	
3.	Tốt	Khá		
4.	Khá	Khá	8,0	
5.	Trung bình	Giỏi	7,0	
6.	Tốt	Trung bình		
7.	Khá	Trung bình	6,0	
8.	Trung bình	Khá		
9.	Các trường hợp còn lại		5,0	

***Lưu ý:** Nếu thí sinh lưu ban lớp nào thì tính kết quả năm học lại của lớp đó.

Phụ lục 5**QUY ĐỊNH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN ĐỐI VỚI HỌC SINH THUỘC ĐỊA BÀN TIẾP GIÁP VỚI NHIỀU TRƯỜNG THPT**

TT	Thí sinh THCS thuộc xã/phường	Huyện/thị xã/thành phố	Trường THPT được ĐKDT (ngoài địa bàn tuyển sinh)
1.	Quảng Thái	Quảng Điền	THPT Tam Giang; THPT Phong Điền
2.	Quảng Phú	Quảng Điền	THPT Nguyễn Đình Chiểu; THPT Hương Trà
3.	Quảng Thọ	Quảng Điền	THPT Đặng Huy Trứ
	Hương An, Hương Hồ, Hương Thọ, An Hòa, Hương Sơ	Huế	
4.	Quảng Thành, Quảng An	Quảng Điền	THPT Hương Vinh
	Hương Toàn	Hương Trà	
5.	Hải Dương	Huế	THPT Tố Hữu
6.	Hương Phong	Huế	THPT Hoá Châu
7.	Hương Sơ, An Hòa	Huế	THPT Đặng Huy Trứ; THPT Hương Vinh
8.	Hương Hồ, Hương Thọ, Thủy Bằng	Huế	THPT Bình Điền
9.	Hương Nguyên	A Lưới	
10.	Thủy Thanh	Hương Thủy	THPT Phan Đăng Lưu
11.	Phú Mỹ, Phú An, Phú Hồ, Phú Hải, Phú Thuận, Phú Diên, Phú Xuân	Phú Vang	THPT Phan Đăng Lưu và THPT Thuận An
12.	Thủy Lương, Thủy Châu, Phú Bài	Hương Thủy	THPT Nguyễn Sinh Cung
13.	Phú Hồ, Phú Lương	Phú Vang	THPT Hương Thủy
14.	Xuân Lộc	Phú Lộc	THPT Nam Đông
15.	Thôn Bến Ván (xã Lộc Bồn)	Phú Lộc	THPT Phú Bài; THPT Hương Thủy
16.	Vinh An	Phú Vang	THPT Vinh Lộc

Phụ lục 6

BẢNG ĐIỀU ĐỘNG CÁN BỘ, GIÁO VIÊN LÀM NHIỆM VỤ COI THI, CHẤM THI
Kỳ kiểm tra, đánh giá năng lực tuyển sinh lớp 6
Trường THCS Nguyễn Tri Phương-Huế, năm học 2022-2023

TT	Đơn vị	LĐ HDCT	TK HD CT	Coi thi	GV chấm thi mỗi môn (T.Việt, Toán)	Ghi chú
1	THCS Nguyễn Tri Phương-Huế	03	04	55	04	
2	THPT Hai Bà Trưng	01	02	0	0	
3	THPT Nguyễn Huệ	01	02	0	0	
4	THPT Cao Thắng	01	02	0	0	
5	THPT Gia Hội	01	01	0	0	
6	THPT Đặng Trần Côn	01	01	0	0	
7	THPT Bùi Thị Xuân	01	01	0	0	
8	THPT Nguyễn Trường Tộ	01	01	0	0	
9	THPT Nguyễn Chí Thanh	01	01	0	0	
10	THPT Phú Bài	01	01	0	0	
11	THPT Phan Đăng Lưu	01	01	0	0	
12	THPT Hóa Châu	01	01	0	0	
13	Phòng GD&ĐT TP Huế	0	0	100	20	
14	Phòng GD&ĐT Phong Điền	0	0	0	08	
15	Phòng GD&ĐT Hương Trà	0	0	30	08	
16	Phòng GD&ĐT Hương Thủy	0	0	30	08	
17	Phòng GD&ĐT Phú Vang	0	0	30	08	
18	Phòng GD&ĐT Phú Lộc	0	0	0	08	

Phụ lục 7

BẢNG ĐIỀU ĐỘNG CÁN BỘ, GIÁO VIÊN LÀM NHIỆM VỤ COI THI, CHẤM THI
Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2022-2023

TT	Trường	COI THI			CHẤM THI CÁC MÔN													
		LĐ	TK	GT	Toán	Toán chuyên	Toán (Tin chuyên)	Văn	Văn chuyên	Lý chuyên	Hóa chuyên	Sinh chuyên	Sử chuyên	Địa chuyên	Anh chuyên	Pháp chuyên	Nhật chuyên	
1	THPT chuyên Quốc Học	03	04	60	05	04	03	05	02	02	02	02	02	02	02	04	02	03
2	THPT Nguyễn Huệ	02	02	60	04	02	02	04	02	02	02	02	01	01	01	03	01	01
3	THPT Gia Hội	02	02	50	04	01	01	04	01	01	01	01	0	01	02	0	0	
4	THPT Hai Bà Trưng	02	02	60	04	02	01	04	02	02	02	01	01	01	03	01	01	
5	Phổ thông DTNT tỉnh	02	02	15	02	0	0	02	0	0	0	0	0	0	0	01	0	0
6	THPT Cao Thắng	02	02	40	03	01	0	03	0	01	0	01	01	0	0	0	0	0
7	THPT Nguyễn Trường Tộ	02	02	40	03	01	01	03	0	01	0	0	0	01	01	01	01	0
8	THPT Bùi Thị Xuân	02	02	40	03	0	0	03	01	01	0	0	0	01	0	0	0	0
9	THPT Đặng Trần Côn	02	02	30	03	0	01	03	0	0	01	0	0	0	01	0	0	0
10	THPT Tam Giang	02	02	25	03	0	0	03	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	THPT Phong Điền	02	01	25	03	0	0	03	01	0	0	0	0	0	0	0	01	0
12	THPT Nguyễn Đình Chiểu	02	01	25	03	01	01	03	01	0	0	01	0	0	01	0	0	0
13	THPT Trần Văn Ký	02	01	25	03	01	01	03	0	01	0	0	0	0	0	0	01	0
14	THPT Nguyễn Chí Thanh	02	01	40	04	01	01	04	01	01	01	01	01	01	01	0	0	0
15	THPT Hóa Châu	02	01	20	02	01	01	02	01	0	01	0	0	0	0	0	0	0
16	THPT Tố Hữu	02	01	20	02	0	0	02	01	0	01	0	01	0	0	0	0	0
17	THPT Hương Trà	02	01	20	02	0	01	02	01	01	0	0	0	0	0	0	0	0
18	THPT Đặng Huy Trứ	02	02	40	03	01	0	03	01	0	01	01	0	0	01	0	0	0
19	THPT Hương Vinh	02	02	40	02	01	0	03	0	0	01	0	0	0	0	0	0	0
20	THPT Bình Điền	02	01	20	02	0	0	02	0	0	0	0	0	01	0	0	0	0
21	THPT Phan Đăng Lưu	02	01	50	04	01	01	04	01	01	01	01	01	01	01	0	0	0

TT	Trường	COI THI			CHẤM THI CÁC MÔN												
		LĐ	TK	GT	Toán	Toán chuyên	Toán (Tin chuyên)	Văn	Văn chuyên	Lý chuyên	Hóa chuyên	Sinh chuyên	Sử chuyên	Địa chuyên	Anh chuyên	Pháp chuyên	Nhật chuyên
22	THPT Thuận An	02	01	40	04	01	01	04	01	01	01	0	01	01	01	0	0
23	THPT Nguyễn Sinh Cung	02	01	30	03	0	0	03	01	0	0	01	01	01	0	0	0
24	THPT Vinh Xuân	02	01	30	03	01	0	03	01	0	01	01	0	0	0	0	0
25	THPT Hà Trung	02	01	20	03	0	01	03	01	0	0	0	01	01	0	0	0
26	THPT Hương Thủy	02	02	40	03	01	01	03	01	0	0	0	0	0	01	0	0
27	THPT Phú Bài	02	02	40	03	01	01	03	01	0	0	01	0	01	01	0	0
28	THPT An Lương Đông	02	01	30	03	01	0	03	01	01	0	0	01	0	01	0	0
29	THPT Phú Lộc	02	01	20	02	0	01	02	0	0	01	01	0	0	0	0	0
30	THPT Thừa Lưu	02	01	30	03	01	01	02	01	0	0	01	0	01	01	0	0
31	THPT Vinh Lộc	02	01	30	03	01	0	03	01	0	01	0	01	01	0	0	0
32	THPT A Lưới	02	01	20	02	0	0	02	01	0	0	0	0	0	0	0	0
33	THPT Trường Sơn	01	01	10	01	0	0	01	0	0	0	0	0	0	0	0	0
34	THCS&THPT Hồng Vân	02	01	10	01	0	0	01	0	0	0	0	0	0	0	0	0
35	THPT Nam Đông	02	01	15	02	0	0	02	0	0	0	0	0	0	0	0	0
36	THCS Nguyễn Tri Phương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	02

Danh sách này gồm có 36 đơn vị./.